TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2017
"V/v yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan;
2. Bà Nguyễn Thị Mý;
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên;

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017, về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Cầm Thị T. Có mặt;
Địa chỉ nơi cư trú: Làng K, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.
2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Sỹ H. Vắng mặt;
Địa chỉ nơi cư trú: Làng K, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Cầm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2000, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Từ khi đăng ký kết hôn, bà T và ông H chung sống với nhau hạnh phúc khoảng hai năm, sau đó thì bắt đầu nãy sinh mâu thuẫn do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến việc thường xuyên cãi vã. Ngoài ra ông H thường xuyên say xỉn, về nhà thì đánh đập vợ con. Bà T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Sỹ H.

Về con chung: Bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 22-9-2001 và cháu Nguyễn Sỹ Qt, sinh ngày 25-10-2003. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và giao cháu Q cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà T hiện phụ ông H sửa xe và thu nhập từ việc làm

vườn hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng, có đủ khả năng căm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo nguyện vọng.

Về chia tài sản chung: Bà Cầm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong đơn đề nghị giải quyết về việc ly hôn ngày 25-8-2017 và lời khai trong Biên bản hòa giải ngày 05-9-2017, bị đơn ông Nguyễn Sỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Sỹ H và bà Cầm Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Từ khi đăng ký kết hôn, ông H và bà T chung sống với nhau hạnh phúc khoảng hai năm, sau đó thì bắt đầu nãy sinh mâu thuẫn do bà T thường xuyên cầm điện thoại nhắn tin, mỗi lần thấy vợ cầm điện thoại thì ông H hay nhắc nhở, bà T giấu điện thoại và không cho ông H kiểm tra nên ông H nghi ngờ chuyện bà T có mối quan hệ bất chính với người khác. Trong cuộc sống thì hai vợ chồng cũng có cãi vã, ông H đôi khi có uống rượu nhưng không đánh đập vợ con như bà T trình bày. Vì ông H không muốn các con sống trong cuộc sống không đủ cha mẹ, đồng thời các cháu đang trong tuổi ăn, tuổi học dễ ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu, nên ông H không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Nguyễn Sỹ H và bà Cầm Thị T có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 22-9-2001 và cháu Nguyễn Sỹ Q, sinh ngày 25-10-2003. Nếu ly hôn, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp của ông H là sửa xe, bà T chỉ phụ giúp ông H trong việc sửa xe, thu nhập hàng tháng là khoảng 30.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản gốc đơn khởi kiện ngày 18-7-2017 của bà Cầm Thị T; bản sao chứng minh nhân dân của bà Cầm Thị T; bản sao sổ hộ khẩu của bà Cầm Thị T; bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn của bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H; bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Sỹ Q và cháu Nguyễn Thị Hồng K; 07 giấy viết tay; bản gốc đơn đề nghị Tòa án gửi tài liệu, chứng cứ ngày 22-8-2017 của bà Cầm Thị T; bản gốc bản tự khai ngày 18-8-2017 của bà Cầm Thị T; Bản gốc đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn ngày 25-8-2017 của ông Nguyễn Sỹ H; Bản gốc bản tự khai ngày 22-8-2017 của cháu Nguyễn Thị Hồng K; Bản gốc biên bản lấy lời khai ngày 22-8-2017 của bà Cầm Thị T; bản gốc biên bản lấy lời khai ngày 24-8-2017 của cháu Nguyễn Sỹ Q; Bản gốc Biên bản xác minh ngày 13-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện G.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét

giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn, đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc cãi vã, xúc phạm thậm chí là đánh nhau. Ông H công nhận vợ chồng cũng có cãi vã, ông H đôi khi có uống rượu nhưng không đánh đập vợ con như bà T trình bày, ông H không muốn làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con, nên không đồng ý ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng bà T, ông H thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, có lần bà T và ông H đánh nhau, hiện nay bà T và ông Hkhông còn sống chung với nhau nữa, ông H có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng không có ý thức chấp hành pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cầm Thị T.

[3] Về con chung: Bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H đều công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 22-9-2001 và cháu Nguyễn Sỹ Q, sinh ngày 25-10-2003. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, cháu K đang sống chung với bà T và cháu Q đang sống chung cùng với ông H. Bà T và ông H đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện cháu K đang sống cùng bà T và cháu K cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà T, ông H có nguyện vọng nuôi con nhưng không chấp hành pháp luật, không có thiện chí khi không tham gia tố tụng tại phiên tòa để được hòa giải nên chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu K cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T và ông H đều có nguyện vọng giao cháu Q cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, hiện ông H có việc làm và thu nhập ổn định, bảo đảm khả năng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này và giao cháu Q cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H đều không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Cầm Thị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 22-9-2001 cho bà Cầm Thị T và giao cháu Nguyễn Sỹ Q cho ông Nguyễn Sỹ H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bà Cầm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc bà Cầm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000395 ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Bà Cầm Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- UBND xã Thanh Sơn, huyện Định Quán;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đính

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 10 năm 2017.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý;

2. Bà Nguyễn Thị Lan;

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017, về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cầm Thị Thành, sinh năm 1982;

Địa chỉ nơi cư trú: Làng Kloong, xã Ia O, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Sỹ Hiền, sinh năm 1983;

Địa chỉ nơi cư trú: Làng Kloong, xã Ia O, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Cầm Thị Thành và ông Nguyễn Sỹ Hiền.

2.2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Khuyên, sinh ngày 22-9-2001 cho bà Cầm Thị Thành và giao cháu Nguyễn Sỹ Quyết cho ông Nguyễn Sỹ Hiền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bà Cầm Thị Thành và ông Nguyễn Sỹ Hiền không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. Về án phí: Buộc bà Cầm Thị Thành phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000395 ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Bà Cầm Thị Thành đã nộp đủ tiền án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 30 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đính